

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BVM – D&XN
V/v Báo giá thiết bị y tế, hoá chất
xét nghiệm

Thái Nguyên, ngày tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

Bệnh viện Mắt Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế để tham khảo, xây dựng kế hoạch mua sắm hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Thị Hạnh - Văn thư bệnh viện

Điện thoại: 02083.658.300

Email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến trước 17h ngày 08 tháng 04 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung báo giá (*Phụ lục kèm theo*)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, D&XN.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Kim Yến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: /BVM – D&XN ngày tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Mắt Thái Nguyên)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch năm 2025
I. Thiết bị y tế				
1	Chi treo	10/0, kim thẳng	Sợi	30
2	Sleever	Đầu bọc kim Phaco 19G, silicone, cho kích thước vết mổ 2.8mm	Chiếc	100
3	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Kích thước: 10cm x 4cm	Chiếc	60
4	Băng dính chỉ thị nhiệt độ		Cuộn	24
5	Chi không tiêu polyamide số 6.0		Sợi	36
6	Chi không tiêu polyamide số 7.0		Sợi	36
7	Chổi rửa ống nghiệm		Chiếc	12
8	Kim Phaco	Kim phaco 19G, 30 độ.	Cái	5
9	Lưỡi dao mổ các số		Cái	200
10	Viên nén khử khuẩn	thành phần: 2.5 g Troclosene sodium	Viên	800
11	Giá đựng ống nghiệm nước tiểu	Lỗ đựng ống nghiệm phi 17mm	Chiếc	5

12	La men		Chiếc	5
13	Giấy in Nhiệt	Kích thước 58 mm x 30 m	Cuộn	120
14	Khí Oxy y tế Bình 10 Lit	10 Lit	Bình	5
15	Khí Oxy y tế Bình 40 Lit	40 Lit	Bình	2
16	Bình Oxy 10 Lit	Bình chứa khí Oxy y tế dung tích 10 lít. kèm theo bộ van giảm áp+đồng hồ đo khí, đã được kiểm định theo quy định	Bình	5
17	Bình Oxy 40 Lit	Dung tích chứa khí Oxy y tế 40 lít; Có nắp chụp bảo vệ van. Đồng hồ oxy 40 lít (Bao gồm: Một chiếc đồng hồ đo lượng oxy trong bình + Một chiếc cột đo lưu lượng khí oxy ra + Một chiếc dây thở +Một chiếc bình tạo ẩm khí Oxy) + khí 40 lít khí nén. đã được kiểm định theo quy định	Bình	2
18	Dây silicon treo mi	Chất liệu silicone, 2 kim kim loại đầu nhọn dài 80mm, đường kính 0.8mm. Vô trùng	Cái	10
19	Thuốc nhuộm Xanhmethylen	Chai $\geq 500g$	Gam	1
20	Bóng đèn Halogen 6V -20W	6V -20W	Cái	5
21	Bóng đèn Halogen 12V -30W	2V -30W. Dùng cho máy sinh hiển vi khám	Cái	5
22	Bóng đèn Hallogen15V-150W	Hộp/1 cái	Cái	2
23	Bóng đèn tiểu phẫu		Cái	100
24	Chỉ Dafilon 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, Kim tam giác 3/8 vòng tròn phủ silicon.	Sợi	36
25	Dao tem		Chiếc	600

26	Dung dịch vệ sinh kính hiển vi	Chai ≥ 500 ml	Chai	1
27	Nồi hấp áo		Cái	5
28	Que Bông tăm vô khuẩn		Túi	500
29	Cảm ứng áp xuất	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	Cái	2
30	Hộp Inox		Chiếc	5
31	Tay Phaco	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	Chiếc	2
32	Đầu hút IA	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	Chiếc	2

II. Hoá chất xét nghiệm

Hoá chất cho máy xét nghiệm huyết học

1	Hóa chất rửa máy huyết học đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng, Độ pH: 10 đến 13. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1°C đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày Can $\geq 5L$, Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Can	6
2	Dung dịch rửa máy huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 7,7 đến 8,3. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049%. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 180 ngày Can $\geq 5L$. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Can	6
3	Hóa chất phá màng tế bào hồng cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng, Độ pH: 7.5 đến 9.5. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11%. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 30 ngày. Can ≥ 500 ml. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Can	6

4	Hóa chất pha loãng	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng, Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97%. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 60 ngày Can ≥ 18 L. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Can	6
5	Hóa chất phá vỡ hồng cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 4 đến 7. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày Can ≥ 500 ml. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Can	16
6	Mẫu nội kiểm huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: trung tính, Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú, Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 14 ngày. Lọ ≥ 3 ml. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Tube	20
7	Mẫu chuẩn huyết học	Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học, Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú. Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C, Độ ổn định sau khi mở nắp: ≥ 7 ngày Lọ ≥ 2 ml. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Tube	10
Hoá chất cho máy xét nghiệm sinh hoá				
1	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Thành phần: Tensoactives 2% Preservatives and stabilizers Quy cách : 10x10ml. Có xuất xứ các nước thuộc Châu Âu.	Can	6
2	Hóa chất xét nghiệm đường huyết	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2,0 mg/dL *Độ tuyến tính: Lên tới 500 mg/dL. *Độ chính xác: 98,9%. *Độ lặp lại với hệ số biến thiên: 0,79% *Độ tái lặp với hệ số biến thiên: 1,33%. Có xuất xứ các nước thuộc Châu Âu.	Hộp	6

3	Hóa chất xét nghiệm chức năng thận	*Độ nhạy, như giới hạn phát hiện: 2.0 mg/dL *Độ tuyến tính: Lên đến 300 mg/dL Urê. *Độ chính xác: 98,2%. *Độ lặp lại với hệ số biến thiên: 1,54% *Độ tái lập với hệ số biến thiên: 1,98%. Có xuất xứ các nước thuộc Châu Âu.	Hộp	10
4	Hóa chất kiểm tra chất lượng máy sinh hóa	kiểm tra đa thông số bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL *Thành phần: 1 Freeze-dried vial of normal control serum, Có xuất xứ các nước thuộc Châu Âu.	Lọ	6
5	Hóa chất kiểm chuẩn máy sinh hóa	Chuẩn cho 23 thông số hóa sinh bao gồm cả CK *thành phần: A. 1 x 7 ml. Lyoph. calibration serum. B. 1 x 10 ml. Diluent. Có xuất xứ các nước thuộc Châu Âu.	Lọ	12